



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 361/TTr-SGTVT ngày 06/02/2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm Công báo;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TN, HL. 23



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuấn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
(Kèm theo Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

**1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Đường bộ</b>				
1	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. Mã TTHC: 1.013259	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trường hợp hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh nộp trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.	Không có	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
2	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép. Mã TTHC: 1.013260	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trường hợp hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh nộp trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.	Không có	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
3	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trường hợp hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên	Không có	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Mã TTHC: 1.013261		địa bàn tỉnh nộp trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.		BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
4	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã TTHC: 1.002877	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
5	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã TTHC: 1.001023	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
6	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải. Mã TTHC: 2.002288	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
					tải.
7	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã TTHC: 1.002268	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
8	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Mã TTHC: 1.002861	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
9	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Mã TTHC: 1.002856	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Mã TTHC: 1.013240	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>
11	Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô. Mã TTHC: 1.013241	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.</li> <li>- Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		định.			
12	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái. Mã TTHC: 1.001777	- Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
<b>II Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>					
13	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa. Mã TTHC: 2.002615	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trường hợp hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh nộp trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.	Không có	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
14	Điều chỉnh thông tin	03 ngày làm việc, kể	Trường hợp hàng hóa nguy	Không có	- Nghị định số 161/2024/NĐ-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép. Mã TTHC: 2.002616	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh nộp trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.		CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
15	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng. Mã TTHC: 2.002617	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trường hợp hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật, tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh nộp trực tiếp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa.	Không có	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

## 2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Mã TTHC: 1.000703 (Sửa đổi, bổ	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>sung TTHC số thứ tự 09, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i>		Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)		BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi. Mã TTHC: 2.002286 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 10, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng. Mã TTHC: 2.002287 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 11, mục 2	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông	Không có	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i>		vận tải)		tải.
4	<p>Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định.</p> <p>Mã TTHC: 2.002285 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02, mục 1 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</p>	<p>Không có</p>	<p>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p>
5	<p>Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.</p> <p>Mã TTHC: 1.010707 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 18, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</p>	<p>Không có</p>	<p>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p>

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	<p>Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.</p> <p>Mã TTHC: 1.002046 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01, mục II được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</p>	<p>Không có</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>
7	<p>Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.</p> <p>Mã TTHC: 1.002286 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 10, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</p>	<p>Không có</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>
8	<p>Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.</p> <p>Mã TTHC: 1.001737 (Sửa đổi, bổ</p>	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở</p>	<p>Không có</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1743/QĐ-</li> </ul>

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>sung TTHC số thứ tự 19, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i>		Giao thông vận tải)		BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
9	<p>Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.</p> <p>Mã TTHC: 1.002063 (<i>Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 24, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i></p>	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</p>	<p>Không có</p>	<p>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p>
10	<p>Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.</p> <p>Mã TTHC: 1.001577 (<i>Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 25, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i></p>	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</p>	<p>Không có</p>	<p>- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p>

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	<p>Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.</p> <p>Mã TTHC: 1.001765 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn.</li> <li>- Thời hạn Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.</li> <li>- Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân nộp tại cơ sở đào tạo lái xe;</li> <li>- Cơ sở đào tạo lái xe nộp tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>
12	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.</p> <p>Mã TTHC: 1.004993 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02, mục 2</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1744/QĐ-</li> </ul>

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i>		Giao thông vận tải)		BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
13	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái. Mã TTHC: 1.001751 ( <i>Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 04, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i>	Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
14	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo. Mã TTHC: 1.001623 ( <i>Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 06, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ</i>	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>tịch UBND tỉnh)</i>				
15	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo. Mã TTHC: 1.005210 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 07, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
16	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2. Mã TTHC: 1.000004 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01, mục 1 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
17	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2. Mã TTHC: 1.004998 (Sửa đổi, bổ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<i>sung TTHC số thứ tự 02, mục 1 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i>		tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)		- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
18	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3. Mã TTHC: 1.004995 ( <i>Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 09, mục 1 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i> )	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
19	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe. Mã TTHC: 1.004987 ( <i>Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 08, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)</i> )	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa (Quầy Sở Giao thông vận tải)	Không có	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			

#### 4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 16, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
2	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002869	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 17, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
3	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 14,	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT



STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ thủ tục hành chính
			<i>mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)</i>	ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
4	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.010711	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 15, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
5	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe côngten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	2.002288	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 12, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
6	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng	2.002289	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 13, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ thủ tục hành chính
	hóa: bằng xe côngten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)			
7	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 27, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
8	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010708	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 29, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
9	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 20, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
10	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002859	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 21,	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ thủ tục hành chính
			<i>mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)</i>	Giao thông vận tải.
11	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 22, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
12	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002852	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 23, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
13	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010709	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 28, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
14	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010710	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 30, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.



STT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Quyết định công bố thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ thủ tục hành chính
15	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe	1.001777	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 05, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>
16	Cấp Giấy phép xe tập lái	1.001735	Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (TTHC số thứ tự 03, mục 2 được công bố tại danh mục kèm theo Quyết định)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>